

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHI SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HS-ST

Ngày: 03 - 3 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Duy Biên

2. Bà Khương Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Cao Cường - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Phạm Thị B - sinh năm: 1970 tại phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Ngọc T (đã chết); con bà: Nguyễn Thị S (đã chết); có chồng là: Phạm Hữu T (đã chết); có 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Chưa;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/11/2020 đến ngày 20/11/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt)

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị H - sinh năm: 1980; nơi cư trú: Tổ dân phố Y, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 10/11/2020, Phạm Thị B là công nhân đóng muối cho chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980 ở Tổ dân phố Y, phường H, thị xã N, Thanh Hóa tại xưởng muối thuộc tổ dân phố N, phường H, thị xã N, Thanh Hóa, đến làm công việc đóng muối tại xưởng để bán cho khách hàng.

Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, sau khi bán được 05 (năm) bì muối cho một người khách lạ được số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) thì B đem tiền vào phòng ngủ tại khu vực xưởng muối để đưa cho chị H. Khi vào đến phòng ngủ, thấy chị H đang nằm ngủ trên giường nhưng B không gọi dậy mà đợi khi nào chị H ngủ dậy sẽ đưa tiền. Lúc này B nhìn thấy trên kết sắt cạnh đầu giường ngủ của chị H có để một chiếc túi da màu nâu, là túi của chị H, phát hiện túi không kéo khóa, bên trong túi có nhiều tệp tiền mệnh giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) nên B nảy sinh ý định trộm tiền trong túi của chị H. B thò tay vào trong túi lấy ra 02 (hai) tệp tiền mệnh giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) bỏ vào túi quần đang mặc rồi đi ra xưởng muối tiếp tục làm việc. Khoảng 20 phút sau, B đem toàn bộ số tiền trên về nhà kiểm tra được 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), trong đó gồm 200 (hai trăm) tờ tiền mệnh giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) rồi mang đi cất giấu. Nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nên đến ngày 11/11/2020, B đã đem toàn bộ số tiền đã trộm cắp được đến Công an phường H đầu thú, giao nộp và khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình. Sau đó Công an phường H bàn giao đối tượng Phạm Thị B và toàn bộ hồ sơ vụ án cho Cơ quan CSĐT Công an thị xã Nghi Sơn để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận giám định số 256/PC09 ngày 06/01/2021 của Phòng PC09 Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: 200 (Hai trăm) tờ tiền Việt Nam đồng (vật chứng của vụ án) gửi đi giám định là tiền thật.

Tại Bản cáo trạng số 30/CT-VKSNS-HS ngày 29/01/2021, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Phạm Thị B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát (VKS) vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 BLHS; Khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 3; khoản 1, khoản 3 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung và buộc bị cáo phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không tranh luận với quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Nghi Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật

Tổ tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội:

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận: Khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 10/11/2020 tại tổ dân phố N, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa, Phạm Thị B đã có hành vi trộm cắp số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) của chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980 trú tại tổ dân phố Y, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, do đó có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của bị cáo có đủ các dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi và hậu quả thấy rằng: Hiện nay trên địa bàn thị xã Nghi Sơn nói chung, tình trạng trộm cắp tài sản đang diễn ra khá phức tạp và có chiều hướng gia tăng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, làm cho nhân dân trên địa bàn hoang mang lo sợ. Vì vậy cần phải tuyên cho bị cáo một hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo đã gây ra mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân và trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tiền án, tiền sự; sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã đến Cơ quan CSĐT Công an đầu thú, giao nộp toàn bộ tài sản trộm cắp được để trả lại cho người bị hại; thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó cần phải áp dụng điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS, làm tình tiết giảm nhẹ lượng giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được tính khoan hồng của pháp luật, đồng thời không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương theo quy định tại Điều 65 BLHS cũng đủ điều kiện cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[5] Xét về phần hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Xét về xử lý vật chứng và bồi thường dân sự: Bị cáo đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan công an 40.000.000đ. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H. Chị H không yêu cầu bồi thường gì thêm. Do đó HĐXX miễn xét.

[7] Xét về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 136 BLTTHS ; Điều 3; khoản 1, khoản 3 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- **Căn cứ vào:** Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 BLHS; Khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 3; khoản 1, khoản 3 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- **Tuyên bố:** Phạm Thị B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- **Xử phạt:** Phạm Thị B 15 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 03/3/2021. Giao Phạm Thị B cho chính quyền Ủy ban nhân dân phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo được hưởng án treo mà thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- **Án phí:** Phạm Thị B phải chịu 200.000đ tiền án phí HSST.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại;
- UBND phường Hải Châu;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an thị xã Nghi Sơn;
- THADS thị xã Nghi Sơn;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Bắc